

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý tài chính của Bộ Tài chính với cơ quan tài chính địa phương giai đoạn 2009-2010 và định hướng đến năm 2015

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 119/2003/QĐ-TTg ngày 11/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin ngành Tài chính đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đến năm 2010 và định hướng đến 2020;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 48/2009/QĐ-TTg ngày 31/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009 - 2010;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý tài chính của Bộ Tài chính với cơ quan tài chính địa phương giai đoạn 2009-2010 và định hướng đến năm 2015 kèm theo Quyết định này với những nội dung chính như sau:

I. Mục tiêu của dự án

- Triển khai hệ thống phần mềm ứng dụng hiện đại, tạo nền tảng cho việc thực hiện Chính phủ điện tử, bao gồm các phần mềm ứng dụng chuyên ngành của Bộ Tài chính và các phần mềm khác phục vụ việc quản lý nội bộ của Sở Tài chính tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện, thị xã (gọi tắt là cơ quan tài chính địa phương).

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

- Bổ sung, hiện đại hóa trang thiết bị tin học: Đảm bảo toàn bộ các cán bộ nghiệp vụ được trang bị máy vi tính nối mạng cục bộ (LAN) và kết nối mạng thống nhất toàn ngành Tài chính (WAN) phục vụ tốt cho các hoạt động nghiệp vụ; toàn bộ cơ quan tài chính cấp tỉnh, thành phố và quận; huyện, thị xã được lắp đặt mạng cục bộ (LAN) và kết nối mạng truyền thông, đảm bảo trao đổi thông tin giữa cơ quan tài chính địa phương và Bộ Tài chính.

- Đảm bảo an toàn bảo mật cho hệ thống thông tin: Quản lý thiết bị trong toàn bộ hệ thống mạng; giám sát và kiểm tra tài khoản người sử dụng; khoanh vùng bị tấn công, bảo vệ an toàn hệ thống mạng để đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu; phòng chống các lỗ hổng của quản lý truy nhập; cung cấp chứng cứ của tài khoản người sử dụng vi phạm an toàn bảo mật; xây dựng thư viện các dấu vết của các hoạt động bất thường; hiển thị được các bản ghi giám sát ở dạng văn bản, hiển thị một cách trực quan trạng thái an toàn bảo mật của hệ thống.

- Xây dựng hệ thống sao lưu cơ sở dữ liệu dự phòng, đảm bảo cho các phần mềm ứng dụng hoạt động liên tục, không bị gián đoạn.

- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin: Có bộ phận chuyên trách về công nghệ thông tin, chuẩn hóa, đào tạo theo chức danh cán bộ công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế và phổ cập ứng dụng công nghệ thông tin cho toàn bộ các bộ nghiệp vụ.

2. Phạm vi thực hiện:

2.1. Bộ Tài chính:

- Triển khai thống nhất, đồng bộ: Các phần mềm ứng dụng chuyên ngành Bộ Tài chính xây dựng tại các cơ quan tài chính địa phương; phần mềm có bản quyền theo quy định.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho cơ quan tài chính địa phương, bao gồm: Triển khai hệ thống sao lưu, lưu trữ dữ liệu cho Sở Tài chính, triển khai hệ thống an toàn, bảo mật và các trang thiết bị khác đảm bảo cho việc cài đặt, triển khai các phần mềm ứng dụng.

- Xây dựng mạng nội bộ tại các Phòng Tài chính - Kế hoạch, đảm bảo triển khai cài đặt các phần mềm ứng dụng chuyên ngành của Bộ Tài chính và của dự án TABMIS hoạt động trên mạng.

- Đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực công nghệ thông tin cho cán bộ chuyên trách về tin học của Sở Tài chính.

2.2. Các Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Triển khai phần mềm Quản lý công văn phục vụ công tác điều hành nội bộ của đơn vị.

- Triển khai phần mềm kế toán tài chính - ngân sách xã cho Ban Tài chính các xã, phường, thị trấn trên địa bàn của tỉnh.

- Đầu tư trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cho việc cài đặt, tập huấn, triển khai các phần mềm ứng dụng chuyên ngành của Bộ Tài chính và các phần mềm ứng dụng khác tại địa phương.

- Thanh toán thuê bao kênh truyền kết nối với hạ tầng truyền thông ngành Tài chính.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2009 đến 2010 và định hướng đến năm 2015.

4. Dự kiến kinh phí thực hiện:

4.1. Giai đoạn 2009-2010: Dự kiến kinh phí triển khai 271.558 triệu đồng trong đó:

a) Bộ Tài chính: 141.252 triệu đồng, gồm:

- Năm 2009: 41.877 triệu đồng.

- Năm 2010: 99.375 triệu đồng.

b) Cơ quan tài chính địa phương: 130.306 triệu đồng.

4.2. Giai đoạn từ 2011 đến 2015: Căn cứ tình hình thực tế triển khai để trí nguồn kinh phí thực hiện cho phù hợp.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

5. Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Cục Tin học và Thống kê tài chính thuộc Bộ Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai đảm bảo đúng mục tiêu, phạm vi, nội dung và tiến độ được phê duyệt của dự án,

- Hướng dẫn các cơ quan tài chính địa phương về định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật, cấu hình trang thiết bị tin học đảm bảo đầu tư mua sắm, trang bị đồng bộ, thống nhất trong toàn bộ dự án.

- Hỗ trợ kỹ thuật đối với các cơ quan tài chính địa phương trong và sau quá trình triển khai dự án.

- Chịu trách nhiệm quản lý tài sản tại các cơ quan tài chính địa phương đến hết thời hạn bảo hành; thực hiện bàn giao tài sản cho địa phương sau thời hạn bảo hành theo qui định.

- Định kỳ hàng quý báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính tình hình triển khai thực hiện của Dự án; đề xuất, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét phê duyệt điều chỉnh các nội dung của dự án đảm bảo phù hợp với tiến độ và tình hình thực tế thực hiện.

- Quý IV năm 2010: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tài chính địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện giai đoạn 2009-2010. Trên cơ sở đó trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt

phương án triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý tài chính của Bộ Tài chính với cơ quan tài chính địa phương giai đoạn 2011-2015.

2. Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố:

+ Tổ chức bộ phận chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin tại đơn vị.

+ Bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương đảm bảo thực hiện đồng bộ theo các nội dung của dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với Cục Tin học và Thống kê tài chính thuộc Bộ Tài chính để triển khai hàng năm.

- Tiếp nhận, vận hành khai thác sử dụng có hiệu quả trang thiết bị tin học các chương trình phần mềm ứng dụng, hạ tầng truyền thông.

- Tiếp nhận, quản lý tài sản theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ Tài chính.

- Thành lập Tổ công tác phối hợp triển khai, gồm: Lãnh đạo Sở Tài chính cán bộ phụ trách công nghệ thông tin và đại diện một số Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện, thị xã để phối hợp với Cục Tin học và Thống kê tài chính thuộc Bộ Tài chính trong suốt quá trình triển khai dự án.

- Trực tiếp hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố cho các Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện, thị xã theo hướng dẫn của Cục Tin học và Thống kê tài chính thuộc Bộ Tài chính.

- Định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố tình hình triển khai thực hiện Dự án tại địa phương; đề xuất những nội dung cần điều chỉnh đảm bảo phù hợp với tiến độ và tình hình thực tế thực hiện để Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt hoặc Bộ Tài chính (qua Cục Tin học và Thống kê tài chính) những nội dung do Bộ Tài chính thực hiện để nghiên cứu, điều chỉnh kịp thời.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện, thị xã:

- Tiếp nhận, quản lý, vận hành hệ thống mạng sau triển khai.

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng trang thiết bị được đầu tư theo đúng hướng dẫn của Cục Tin học và Thống kê tài chính - Bộ Tài chính, Sở Tài chính.

- Định kỳ hàng quý báo cáo Sở Tài chính tình hình triển khai thực hiện tại đơn vị; đề xuất những nội dung cần điều chỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế thực hiện tại đơn vị để Sở Tài chính kiểm tra, tổng hợp báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố.

4. Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục Hải quan các địa phương:

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienHapLauat.VN

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch trên địa bàn trong việc cung cấp số liệu, vận hành khai thác các phần mềm ứng dụng tích hợp toàn ngành.

- Kịp thời cung cấp thông tin, báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình phối hợp với cơ quan tài chính địa phương về Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước và Bộ Tài chính (Cục Tin học và Thống kê tài chính, Vụ Kế hoạch - Tài chính) để xem xét, xử lý kịp thời.

5. Vụ Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ Tài chính:

- Chủ trì thẩm định báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt danh mục dự toán kinh phí triển khai hàng năm (đối với nội dung Bộ Tài chính thực hiện) phù hợp với tiến độ triển khai.

- Kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện của Cục Tin học và Thống kê tài chính, các cơ quan tài chính địa phương bảo đảm đúng mục tiêu, yêu cầu của Dự án đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt; đánh giá hiệu quả triển khai thực hiện Dự án.

- Thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý tài chính của Bộ Tài chính với cơ quan tài chính địa phương giai đoạn 2011-2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan, Giám đốc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- TCT, TCHQ, KBNN;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Sỹ Danh

PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI

Kèm theo Quyết định số 2307/QĐ-BTC ngày 23/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Tổng dự toán | Nguồn vốn | |
|------------|---|----------------|----------------|----------------|
| | | | BTC | STC, PTC |
| A | B | 1=2+3 | 2 | 3 |
| | TỔNG CỘNG: | 271.558 | 141.252 | 130.306 |
| 1 | Chi phí hàng hoá, dịch vụ | 259.635 | 135.534 | 124.101 |
| 1.1 | Bản quyền phần mềm | 25.309 | 19.009 | 6.300 |
| | - Hệ điều hành máy chủ | 9.702 | 9.702 | |
| | - Phần mềm diệt Virus | 9.307 | 9.307 | |
| | - Quản lý công văn | 6.300 | | 6.300 |
| 1.2 | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật | 205.390 | 102.637 | 102.753 |
| | - Máy chủ cho STC và PTC | 65.772 | 65.772 | |
| | - Máy trạm cho STC và PTC | 58.896 | | 58.896 |
| | - Mạng nội bộ (LAN) cho PTC | 7.640 | 7.640 | |
| | - Bảo mật cho mạng của STC | 12.845 | 12.845 | |
| | - Sao lưu dữ liệu cho STC | 16.380 | 16.380 | |
| | - Máy in cho STC và PTC | 26.316 | | 26.316 |
| | - Thiết bị khác (máy chiếu, máy quét, máy xách tay, dụng cụ làm mạng...) | 17.541 | | 17.541 |
| 1.3 | Chi phí dịch vụ | 28.936 | 13.888 | 15.048 |
| | - Vận chuyển, lắp đặt thiết bị | 977 | 977 | |
| | - Cài đặt, cấu hình thiết bị | 541 | 541 | |
| | - Bảo hành tại chỗ thiết bị | 1.349 | 1.349 | |
| | - Xây dựng mạng cho các PTC | 2.049 | 2.049 | |
| | - Tập huấn, triển khai các phần mềm ứng dụng chuyên ngành cho PTC | 4.772 | 4.772 | |
| | - Tập huấn, triển khai phần mềm Kế toán tài chính - ngân sách xã | 13.680 | | 13.680 |
| | - Hỗ trợ kỹ thuật các phần mềm ứng dụng cho cơ quan tài chính địa phương | 3.200 | 3.200 | |
| | - Đào tạo quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị mạng (CCNA) | 1.000 | 1.000 | |
| | - Đào tạo tin học cho cán bộ nghiệp vụ | 1.368 | | 1.368 |
| 2 | Chi phí khác (Thiết bị cho dự phòng và cho các PTC mới chia tách bổ sung; Triển khai các dịch vụ khác) | 11.923 | 5.718 | 6.205 |

LawSoft * Tel: +84-8-39303279 * www.LawSoft.vn
 LawSoft * Tel: +84-8-39303279 * www.LawSoft.vn

u

PHỤ LỤC 02: CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2009-2010

Kèm theo Quyết định số 2307/QĐ-BTC ngày 23/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá toán | Nguồn ngân sách | Thời gian | | Ghi chú |
|------------------------------|--|-------------|----------|---------------|-----------------|-----------|------|--------------|
| | | | | | | 2009 | 2010 | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| TỔNG CỘNG: (I+II+III) | | | | 27.558 | | | | |
| I | SỞ TÀI CHÍNH | | | 85.380 | | | | |
| 1 | Mua bản quyền phần mềm | | | 11.382 | | | | |
| 1.1 | Hệ điều hành máy chủ Windows Server 2008 Std5CAL | Bộ | 126 | 1.932 | TW | x | x | |
| 1.2 | Phần mềm diệt Virus | Bộ | 63 | 3.150 | TW | x | x | |
| 1.3 | Phần mềm Quản lý công văn | Bộ | 63 | 6.300 | ĐP | x | | |
| 2 | Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật | | | 71.331 | | | | |
| 2.1 | Máy chủ, UPS (2KVA) | Bộ | 126 | 15.961 | TW | x | x | |
| 2.2 | Máy trạm, UPS (1KVA) | Bộ | 945 | 15.120 | ĐP | x | x | 15 bộ/STC |
| 2.3 | Máy tính xách tay | Bộ | 63 | 1.260 | ĐP | x | | |
| 2.4 | Hệ thống tường lửa | | | - | | | | |
| | - Thiết bị | Bộ | 63 | 12.285 | TW | x | x | |
| | - Hệ thống quản trị tập trung | Bộ | 1 | 560 | TW | x | x | |
| 2.5 | Hệ thống sao lưu, lưu trữ dữ liệu | | 63 | 16.380 | TW | x | x | |
| 2.6 | Máy in | | | - | | | | |
| | - A3 (in mạng) | Chiếc | 126 | 3.780 | ĐP | x | x | 02 chiếc/STC |
| | - A4 (in mạng, in hai mặt) | Chiếc | 252 | 2.016 | ĐP | x | x | 04 chiếc/STC |
| 2.7 | Thiết bị khác | | | - | | | | |
| | - Máy chiếu, màn chiếu | Chiếc | 63 | 3.024 | ĐP | x | | 01 chiếc/STC |
| | - Máy quét (scanner) | Chiếc | 63 | 315 | ĐP | x | | 01 chiếc/STC |
| | - Dụng cụ làm mạng | Bộ | 63 | 630 | ĐP | x | | |

11

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Nguồn ngân sách | Thời gian | | Ghi chú |
|-----------|--|-------------|------------|----------------|-----------------|-----------|------|------------------------------|
| | | | | | | 2009 | 2010 | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 3 | Dịch vụ triển khai | | | 1.667 | | | | |
| 3.1 | Vận chuyển, lắp đặt thiết bị | | | 171 | TW | x | x | 0,5% giá trị TB |
| 3.2 | Cài đặt, cấu hình thiết bị | | | 171 | TW | x | x | 0,5% giá trị TB |
| 3.3 | Bảo hành tại chỗ thiết bị | | | 25 | TW | x | x | 1% giá trị TB |
| II | PHÒNG TC-KH | | 684 | 179.256 | | | | |
| 1 | Mua bản quyền phần mềm hệ thống | | | 15.727 | | | | |
| 1.1 | Hệ điều hành máy chủ Windows Server 2008 Std5CAL | Bộ | 530 | 7.770 | TW | x | x | 01 bộ/PTC |
| 1.2 | Bản quyền phần mềm diệt Virus | Bộ | 684 | 6.157 | TW | x | x | |
| 2 | Về xây dựng hạ tầng kỹ thuật | | | 134.059 | | | | |
| 2.1 | Máy chủ, UPS (2KVA) | Bộ | 530 | 49.811 | TW | x | | |
| 2.2 | Máy trạm, UPS (1KVA), bản quyền hệ điều hành | Bộ | 2.736 | 43.776 | ĐP | x | x | 04 bộ/PTC |
| 2.3 | Xây dựng mạng nội bộ (trung bình mỗi Phòng TC-KH/16 nút mạng) | PTC | 358 | 7.640 | TW | x | x | |
| 2.4 | Kết nối mạng hạ tầng truyền thông cho toàn bộ các Phòng TC-KH | PTC | 684 | - | TW | x | | Đã thực hiện theo dự án HTTT |
| 2.5 | Máy in | | | - | | | | |
| | - A3 (in mạng) | Chiếc | 684 | 20.520 | ĐP | x | x | 01 chiếc/PTC |
| | - A4 (in mạng, in hai mặt) | Chiếc | 1.368 | 12.312 | ĐP | x | x | 02 chiếc/PTC |
| 3 | Dịch vụ triển khai | | | 28.270 | | | | |
| 3.1 | Vận chuyển, lắp đặt thiết bị | PTC | | 806 | TW | x | x | 1,5% giá trị TB |
| 3.2 | Cài đặt các phần mềm, cấu hình thiết bị | PTC | | 371 | TW | x | x | 0,5% giá trị TB |
| 3.3 | Bảo hành tại chỗ thiết bị | PTC | | 1.024 | TW | x | x | 2% giá trị TB |
| 3.4 | Xây dựng mạng cho các phòng TC-KH | PTC | 358 | 2.049 | TW | x | x | |
| 3.5 | Tập huấn, triển khai các phần mềm ứng dụng cho các phòng TC-KH | PTC | 684 | 4.772 | TW | x | x | |

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Nguồn ngân sách | Thời gian | | Ghi chú |
|------------|---|-------------|----------|---------------|-----------------|-----------|------|------------------------|
| | | | | | | 2009 | 2010 | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | - Quản lý ngân sách, chuyển đổi số liệu - Quản lý đăng ký tài sản Nhà nước - Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản - Quản lý giá - Triển khai các phần mềm ứng dụng nêu trên tại các Phòng TC-KH | | | | | | | |
| 3.6 | Tập huấn, triển khai PM Kế toán tài chính - ngân sách xã | Lớp | 684 | 13.680 | ĐP | x | x | 20 triệu/PTC |
| 3.7 | Hỗ trợ kỹ thuật các phần mềm ứng dụng chuyên ngành của Bộ cho CQ Tài chính địa phương | Năm | 2 | 3.200 | TW | x | x | STC, PTC |
| 3.8 | Đào tạo quản trị CSDL, quản trị mạng (CCNA) | Lớp | 4 | 1.000 | TW | x | x | Cán bộ tin học của STC |
| 3.9 | Đào tạo tin học cho cán bộ nghiệp vụ | PTC | 684 | 1.368 | ĐP | x | x | 05 người/PTC |
| III | Chi phí khác | | | 11.923 | | | | |
| 1 | Thiết bị cho dự phòng và cho các PTC mới chia tách bổ sung; Triển khai các dịch vụ khác | | | 5.718 | TW | | | 5% giá trị TB, DV |
| 2 | Thiết bị cho dự phòng và cho các PTC mới chia tách bổ sung; Triển khai các dịch vụ khác | | | 6.205 | ĐP | | | 5% giá trị TB, DV |

TỔNG CỘNG:

| | |
|--|---------|
| 1. Dự toán triển khai bằng nguồn ngân sách của địa phương: | 271.558 |
| 2. Dự toán triển khai bằng nguồn ngân sách của Bộ Tài chính: | 130.306 |
| - Năm 2009 | 141.252 |
| + Đã triển khai | 41.877 |
| + Tiếp tục triển khai | 21.177 |
| - Năm 2010 | 20.700 |
| | 99.375 |

Handwritten mark